

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K-TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/3/2019

“V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Thái và bà Trần Thị Lệ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 157/2018/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Kim C, sinh năm 1996; ĐKKH tại: xóm 6, xã Á, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Cư trú tại: xóm 7, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1976; Cư trú tại: xóm 6, xã Á, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Đoàn Thị Kim C và anh Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 20/03/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng bố mẹ anh H tại xóm 6, xã Á, huyện K. Sau một thời gian ngắn chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn dẫn đến việc chị C sống ly thân với anh H từ giữa năm 2018 đến nay.

Nguyên đơn chị Đoàn Thị Kim C trong bản tự khai trình bày: Trước khi kết hôn chị C đã mang thai con chung của vợ chồng sau đó mới làm thủ tục đăng ký kết hôn; trong lúc chị mang thai anh H vẫn xúc phạm, hành hạ, đánh đập chị; sau khi cưới cuộc sống chung không hòa hợp về tính cách, không tôn trọng lẫn

nhau, không có hạnh phúc nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở xã Q sống ly thân anh H từ tháng 6 năm 2018. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nặng nề, tình cảm vợ chồng không còn nữa chị yêu cầu giải quyết ly hôn giải phóng cho cả hai.

Về con chung: Chị C xác định anh chị có 01 con chung là Trần Đoàn Thiên H, sinh ngày 6-6-2018 hiện đang do chị C nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị C xin được tiếp tục tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh H đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn H trong bản tự khai trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung được khoảng 4-5 tháng, do điều kiện công việc anh phải đi làm ăn ở trong miền Nam; anh và chị C đã thống nhất để mẹ con chị C về nhà mẹ đẻ của chị C ở xã Q ở và nhờ ông bà ngoại chăm sóc mẹ con chị C. Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh nhận thấy anh và chị C không có mâu thuẫn gì, anh cũng không biết lý do vì sao chị C làm đơn ly hôn anh nên anh không đồng ý; anh mong muốn Tòa án hòa giải để giữa anh và chị C trở về đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh H xác nhận anh chị có 01 con chung như chị C trình bày là đúng; trường hợp nếu phải ly hôn anh sẽ nhường quyền nuôi con cho chị C; nếu chị C không đảm bảo và không có điều kiện nuôi con thì anh xin được nuôi con; hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K:

Về tố tụng: Nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 227 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử lý hôn giữa chị Đoàn Thị Kim C và anh Trần Văn H; giao chị C trực tiếp nuôi con chung; anh H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị C; chị C phải nộp 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Đoàn Thị Kim C khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Trần Văn H cư trú tại xóm 6, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 27 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Anh Trần Văn H mặc dù đã có mặt tại địa phương, được Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng

vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị Kim C thì thấy rằng : Anh H và chị C kết hôn tự nguyện hợp pháp; sau khi kết hôn vợ chồng sống chung chỉ một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn; do mâu thuẫn vợ chồng nên giữa năm 2018 chị C về xóm 6, xã Q, huyện K sống ly thân với anh H. Tuy nguyên nhân diễn biến mâu thuẫn dẫn đến việc sống ly thân hai bên trình bày không giống nhau nhưng trong quá trình giải quyết hai bên đều xác định vợ chồng hiện đang sống ly thân. Xác minh tình trạng hôn nhân của chị C và anh H tại UBND xã A thì chính quyền địa phương xác nhận từ giữa năm 2018 do mâu thuẫn vợ chồng thì chị C bỏ về nhà mẹ đẻ ở.

[3] Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn các bên trình bày khác nhau nhưng đều xác định vì mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được hai bên đã không sống chung từ giữa năm 2018 đến nay. Anh H mặc dù biết chị C yêu cầu tòa án giải quyết việc ly hôn và anh không đồng ý, nhưng anh không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn nhằm duy trì hôn nhân, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, có ý bỏ mặc không quan tâm đến cuộc sống chung; do đó chị C xác định vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được vì mâu thuẫn đã trầm trọng là có căn cứ. Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị C và anh H hiện nay đã trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình yêu cầu của chị C ly hôn anh H là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Vợ chồng anh H và chị C chỉ có 01 con chung là Trần Đoàn Thiên H sinh ngày 6-6-2018 khi ly hôn cả anh H và chị C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn; con chung của hai anh chị là Trần Đoàn Thiên H hiện nay chưa được 12 tháng tuổi, hiện đang do chị C trực tiếp nuôi dưỡng; căn cứ Điều 81 luật HNGĐ việc giao cháu H cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nhưng không chứng minh chị có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc cháu H mà không cần hỗ trợ của anh H; hiện tại chị C là lao động phổ thông tự do thu nhập thực tế không cao, nhưng mặc dù đã được giải thích nhưng chị C vẫn từ chối yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; yêu cầu của chị là hoàn toàn tự nguyện được chấp nhận không buộc anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị C.

[7] Về tài sản chung: Khi ly hôn hai bên đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDSS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị C phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 227, 228 Bộ luật TTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Đoàn Thị Kim C với anh Trần Văn H.

2/ Giao chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Đoàn Thiên H, sinh ngày 06/06/2018 đến khi thành niên. Anh H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3/ Chị Đoàn Thị Kim C phải nộp 300.000^d án phí ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 2940 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Q, A;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh